|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 172/QĐ-UBND | *Kon Tum, ngày 13 tháng 3 năm 2017* |

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết TTHC và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC;

Căn cứ Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế phối hợp trong công bố, công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và đề xuất của Sở Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum *(Phụ lục kèm theo).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 27/02/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum về việc công bố Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum.

**Điều 3**. Trưởng BQL Khu kinh tế tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban ngành và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **KT. CHỦ TỊCH** |
| - Như Điều 3 (t/h);  - Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);  - Lưu VT-NC2. | **PHÓ CHỦ TỊCH**  **(Đã ký)**  **Lại Xuân Lâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝKHU KINH TẾ TỈNH KON TUM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 172/QĐ-UBND, ngày 13/3/2017*

*của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum)*

**PHẦN I:**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum (45 thủ tục):**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** |
| **I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ: 22 THỦ TỤC** | |
| 01 | Quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh *(đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)* |
| 02 | Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ *(đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)* |
| 03 | Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội *(đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)* |
| 04 | Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư |
| 05 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư |
| 06 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư và đã có quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền. |
| 07 | Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư |
| 08 | Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư *(đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)* |
| 09 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh |
| 10 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ |
| 11 | Chuyển nhượng dự án đầu tư |
| 12 | Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế |
| 13 | Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài |
| 14 | Cấp lại, Hiệu đính thông tin, Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư |
| 15 | Giãn tiến độ đầu tư |
| 16 | Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư |
| 17 | Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư |
| 18 | Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC |
| 19 | Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC |
| 20 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương |
| 21 | Cung cấp thông tin về dự án đầu tư |
| 22 | Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư |
| **II. LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG*:* 07 THỦ TỤC.** | |
| 01 | Cấp Giấy phép xây dựng mới *(đối với công trình không theo tuyến).* |
| 02 | Cấp Giấy phép xây dựng cho dự án. |
| 03 | Cấp Giấy phép xây dựng *(đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo công trình)*. |
| 04 | Cấp Giấy phép xây dựng *(đối với trường hợp di dời công trình).* |
| 05 | Điều chỉnh Giấy phép xây dựng. |
| 06 | Gia hạn Giấy phép xây dựng. |
| 07 | Cấp lại Giấy phép xây dựng. |
| **III. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI, MÔI TRƯỜNG: 05 THỦ TỤC.** | |
| 01 | Giao đất, cho thuê đất *(không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân tỉnh).* |
| 02 | Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường *(áp dụng trường hợp ủy quyền theo khoản 4, Điều 32-Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT).* |
| 03 | Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường *(áp dụng đối với trường hợp ủy quyền theo khoản 4, Điều 32-Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT).* |
| 04 | Đăng ký xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản*(áp dụng đối với trường hợp ủy quyền theo khoản 1, Điều 12-Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường).* |
| 05 | Đăng ký xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản*(áp dụng đối với trường hợp ủy quyền theo khoản 2, Điều 12-Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường).* |
| **IV. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG MẠI: 11 THỦ TỤC.** | |
| 01 | Đăng ký nội quy lao động của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp. |
| 02 | Tiếp nhận Thỏa ước lao động tập thể của các danh nghiệp trong khu công nghiệp. |
| 03 | Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp đưa người lao động làm việc ở nước ngoài thời hạn dưới 90 ngày. |
| 04 | Cấp Giấy phép lao động đối với người nước ngoài làm việc theo hợp đồng lao động trong Khu kinh tế tỉnh Kon Tum. |
| 05 | Cấp lại Giấy phép lao động đối với người nước ngoài làm việc theo hợp đồng lao động trong Khu kinh tế tỉnh Kon Tum. |
| 06 | Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp Giấy phép lao động trong Khu kinh tế tỉnh Kon Tum. |
| 07 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa – Mẫu D. |
| 08 | Cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. |
| 09 | Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. |
| 10 | Cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam |
| 11 | Gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam |

**2. Danh mục thủ tục hành chính bị thay thế, hủy bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Kon Tum (20 thủ tục):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Tên văn bản quy định việc thay thế, hủy bỏ** |
| **I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ: 14 Thủ tục** | | | |
| 01 |  | Thủ tục thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư *(đối với dự án đầu tư có quy mô vốn từ 300 tỷ đồng trở lên; thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện theo Điều 29 Luật đầu tư năm 2005 và không thuộc diện do Thủ tướng Chính phủ chấp nhận chủ trương đầu tư)* | Luật đầu tư số 67/2014/QH13 và các văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành. |
| 02 |  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài thuộc diện đăng ký *(có quy mô vốn dưới 300 tỷ đồng Việt Nam; không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện và không thuộc diện do Thủ tướng Chính phủ chấp nhận chủ trương đầu tư).* |
| 03 |  | Thủ tục đăng ký đầu tư *(đối với dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn từ 15 tỷ đồng đến dưới 300 tỷ đồng; không đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư; không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện và không thuộc diện do Thủ tướng Chính phủ chấp nhận chủ trương đầu tư).* ą)߿\*࿨࿨ĂÿThủ tục: Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư thuộc diện đăng ký (đối với dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn từ 15 tỷ đồng đến dưới 300 tỷ đồng; không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện và không thuộc diện do Thủ tướng Chính phủ chấp nhận chủ trương đầu tư)ĀĐÿThủ tục: Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư thuộc diện thẩm tra (đối với dự án đầu tư có quy mô vốn từ 300 tỷ đồng trở lên; không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện theo Điều 29 Luật đầu tư năm 2005 và không thuộc diện do Thủ tướng Chính phủ chấp nhận chủ trương đầu tư) ȀQQThủ tục: Đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư (đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài)̀TTThủ tục: Đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư tư (đối với dự án có vốn đầu tư trong nước)ààThủ tục: Thẩm tra điều chỉnh dự án đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước mà sau khi điều chỉnh, dự án đó thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (trừ trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 52 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP)Ȁ??Thủ tục: Chuyển nhượng dự án trong Khu công nghiệp, Khu kinh tếjjThủ tục: Giao đất trong Khu kinh tế tỉnh Kon Tum (Đối với quỹ đất đã được UBND tỉnh Kon Tum giao cho BQL).̀bbThủ tục: Giao đất trong Khu kinh tế tỉnh Kon Tum (Đối với quỹ đất đã được UBND tỉnh giao cho BQL).mmThủ tục: Cho thuê đất trong Khu kinh tế tỉnh Kon Tum (Đối với quỹ đất đã được UBND tỉnh Kon Tum giao cho BQL)eeThủ tục: Cho thuê đất trong Khu kinh tế tỉnh Kon Tum (Đối với quỹ đất đã được UBND tỉnh giao cho BQL)//V. Các thủ tục hành chính đã bị thay thế (6): 0)-,+88VI. Những Thủ tục hành chính đã bị bãi bỏ/ huỷ bỏ (7): 02-5+Ѐ++I. Các thủ tục hành chính giữ nguyên (2): 0$/(.ԀIIII. Các thủ tục hà |
| 04 |  | Thủ tục đăng ký dự án đầu tư có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư *(đối với dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn từ 15 tỷ đồng đến dưới 300 tỷ đồng; không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện và không thuộc diện do Thủ tướng Chính phủ chấp nhận chủ trương đầu tư).* |
| 05 |  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư thuộc diện thẩm tra *(đối với dự án đầu tư có quy mô vốn từ 300 tỷ đồng trở lên; không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện theo Điều 29 Luật đầu tư năm 2005 và không thuộc diện do Thủ tướng Chính phủ chấp nhận chủ trương đầu tư).* |
| 06 |  | Thủ tục Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư *(đối với dự án đầu tư có quy mô vốn dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện).* |
| 07 |  | Đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư theo điểm a, Khoản 1, Điều 52, Nghị định 108/2006/NĐ-CP *(đối với dự án đầu tư trong nước* |
| 08 |  | Đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư *(đối với dự án có vố đầu tư nước ngoài).* |
| 09 |  | Thẩm tra điều chỉnh dự án đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước mà sau khi điều chỉnh, dự án đó thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện *(trừ trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 52 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP).* |
| 10 |  | Thẩm tra điều chỉnh dự án đầu tư đối với dự án đầu tư nước ngoài mà sau khi điều chỉnh, dự án đó thuộc diện thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư. |
| 11 |  | Thẩm tra điều chỉnh dự án đầu tư mà sau khi điều chỉnh, dự án đó thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ. |
| 12 |  | Thủ tục chuyển nhượng dự án trong khu công nghiệp, Khu kinh tế *(trừ các dự án: khu đô thị mới, khu nhà ở, hạ tầng khu công nghiệp).* |
| 13 |  | Thủ tục tạm ngừng, giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư. |
| 14 |  | Thủ tục thanh lý dự án đầu tư. |
| **II. LĨNH VỰC QUY HOẠCH - XÂY DỰNG: 04 thủ tục** | | | |
| 01 |  | Thủ tục giới thiệu địa điểm đầu tư. | Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và các văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành. |
| 02 |  | Thủ tục cấp chứng chỉ quy hoạch *(đối với khu vực đã có QHCT xây dựng 1/500 được duyệt)*. |
| 03 |  | Thủ tục tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở đối với dự án nhóm B, nhóm C. |
| 04 |  | Thủ tục thoả thuận kiến trúc quy hoạch *(đối với khu vực chưa có QHCT xây dựng 1/500 được duyệt).* |
| **III. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI: 02 thủ tục** | | | |
| 01 |  | Thủ tục giao lại đất trong Khu kinh tế *(đối với quỹ đất đã được UBND tỉnh giao cho BQL)*. | Luật Đất đai số 45/2013/QH13 và các văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành. |
| 02 |  | Thủ tục cho thuê đất trong Khu kinh tế *(đối với quỹ đất đã được UBND tỉnh giao cho BQL)*. |